

Số: 235 /KH-UBND

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2018

KẾ HOẠCH
Triển khai công tác Dân số - KHHGD năm 2019

Căn cứ Quyết định số 6688/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc: Giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2019 của thành phố Hà Nội. Để thực hiện có kết quả các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2019 của Thành phố ngay từ đầu năm, UBND Thành phố triển khai Kế hoạch công tác Dân số - KHHGD năm 2019 như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Ổn định quy mô dân số, duy trì vững chắc mức sinh thay thế, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên; giảm thiểu tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh; nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của Thành phố.

2. Chỉ tiêu

- Giảm tỷ suất sinh thô: 0,1 ‰ so với năm 2018 (phụ lục 1)
- Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên: 0,1 % so với năm 2018 (phụ lục 1)
- Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ tăng thêm: 6%; (phụ lục 1)
- Tỷ lệ sàng lọc trước sinh (% số bà mẹ mang thai): 78% (phụ lục 2)
- Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh (% số trẻ sơ sinh): 85% (phụ lục 2)
- Tỷ số giới tính khi sinh: không quá 113 trẻ trai/100 trẻ gái;
- Số người áp dụng BPTT mới: 360.290 người (phụ lục 3)

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Công tác tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng về thực hiện chính sách dân số: Thực hiện Nghị quyết số 21- NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ngày 25/10/2017 về công tác dân số trong tình hình mới; Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 74-KH/TU ngày 27/01/2018 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Về công tác dân số trong tình hình mới”. Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 20/4/2018 của UBND Thành phố về việc triển khai Kế hoạch số 74-KH/TU ngày 27/01/2018 của Thành ủy; Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND Thành phố về một số giải pháp tăng cường công tác Dân số

- KHHGD trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 172/KH-UBND ngày 13/7/2017 của UBND Thành phố về thực hiện Nghị quyết của HĐND Thành phố; Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND Thành phố phê duyệt Đề án Tầm soát, phát hiện sớm một số tật, bệnh bẩm sinh thông qua sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh của thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 208/KH-UBND ngày 14/11/2016 của UBND Thành phố về Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh của thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2025; Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 12/9/2017 của UBND Thành phố về triển khai thực hiện “Xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGD/SKSS trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020”; Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 19/04/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc triển khai thực hiện “Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi giai đoạn 2017-2025” trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025. Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 28/08/2018 của UBND Thành phố về phát triển thể lực, tầm vóc người Hà Nội đến năm 2030. Đẩy mạnh các hoạt động mô hình nâng cao chất lượng dân số Thủ đô trong tình hình mới.

- Các Quận, Huyện, Thị ủy, HĐND, UBND quận, huyện, thị xã triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn của Thành phố đến cơ sở, các Chi bộ đảng, thôn, làng và tổ dân phố, lồng ghép với chương trình kinh tế - xã hội của địa phương nhằm hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch của Thành phố giao năm 2019.

2. Công tác phối hợp liên ngành

- Sở Y tế tham mưu cho Ban Chỉ đạo công tác Dân số - KHHGD Thành phố triển khai kế hoạch phối hợp các ban, ngành, đoàn thể Thành phố và quận, huyện, thị xã về thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm về hoạt động truyền thông, giáo dục; Kiểm tra, thanh tra thực hiện công tác Dân số - KHHGD năm 2019; Lồng ghép các nội dung truyền thông về Dân số - KHHGD phù hợp với đặc thù của từng ban, ngành, đoàn thể góp phần tạo sự đồng thuận của các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội trong thực hiện chính sách Dân số - KHHGD.

- Các cơ quan truyền thông Thành phố phối hợp đưa các tin, bài phản ánh kịp thời về các hoạt động chính của công tác Dân số - KHHGD trong năm và tuyên truyền về các nội dung chuyên đề trong công tác Dân số - KHHGD; Các sự kiện nhân kỷ niệm Ngày Dân số Thế giới, Tháng hành động quốc gia về dân số, ngày dân số Việt Nam 26.12; biểu dương các gia đình, cá nhân tập thể thực hiện tốt chính sách dân số.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính đề xuất UBND Thành phố cân đối, bố trí kinh phí đảm bảo chỉ tiêu, định mức theo các kế hoạch của Thành phố chi cho công tác Dân số - KHHGD và các Đề án, Kế hoạch do UBND Thành phố phê duyệt nhằm hoàn thành chỉ tiêu, kế hoạch của Thành phố.

- Sở Nội vụ phối hợp Sở Y tế đảm bảo chế độ, chính sách, duy trì và tuyển dụng đủ biên chế làm công tác dân số tại phòng Dân số của Trung tâm Y tế 30 quận, huyện, thị xã và 584 xã, phường, thị trấn nhằm đảm bảo nguồn nhân lực cho công tác Dân số - KHHGD theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND Thành phố.

- Sở Tư pháp, Công an Thành phố, Cục Thống kê: Tăng cường công tác quản lý, thống nhất số liệu dân số theo định kỳ; phối hợp quản lý dân số trên địa bàn Thành phố.

- Các Sở, ngành tập trung triển khai nhiệm vụ đã được phân công tại Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 20/4/2018 và Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 28/8/2018 của UBND Thành phố góp phần hoàn thành chỉ tiêu chung của Thành phố.

3. Công tác tổ chức cán bộ, đầu tư kinh phí, nguồn lực

- Kiện toàn Lãnh đạo Trung tâm Y tế phụ trách công tác dân số, lãnh đạo Phòng Dân số và cán bộ dân số các cấp đảm bảo đủ chỉ tiêu viên chức làm công tác dân số của Trung tâm Y tế quận, huyện, thị xã và viên chức làm dân số tại xã, phường, thị trấn. Tổ chức đào tạo nâng cao năng lực, nghiệp vụ công tác Dân số - KHHGD cho cán bộ dân số các cấp; Quán triệt thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới, triển khai thực hiện có hiệu quả các Kế hoạch về công tác dân số của Thành phố. Tổ chức học tập và trao đổi kinh nghiệm, hợp tác, đào tạo quản lý dân số; Cử cán bộ theo học các lớp đào tạo dân số do Trung ương, Thành phố tổ chức và các tổ chức quốc tế tài trợ.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tiếp tục rà soát, hướng dẫn các quận, huyện thực hiện Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND Thành phố và cân đối kinh phí nguồn quận, huyện thực hiện chương trình dân số nhằm hoàn thành chỉ tiêu Thành phố giao.

4. Thực hiện các nội dung chương trình Dân số - KHHGD

a. Đảm bảo hậu cần và cung cấp dịch vụ KHHGD

- Đảm bảo cung ứng đủ các phương tiện tránh thai miễn phí cung cấp cho các đối tượng theo đúng hướng dẫn và chỉ tiêu kế hoạch phân bổ năm 2019. Xây dựng kế hoạch, phân bổ chỉ tiêu cụ thể các biện pháp tránh thai cho từng quận, huyện, thị xã. Sở Y tế chỉ đạo tiếp nhận, quản lý, phân phối phương tiện tránh thai và cung ứng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đảm bảo chất lượng dịch vụ.

- Đẩy mạnh công tác xã hội các phương tiện tránh thai trên địa bàn Thành phố theo Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 12/9/2017 của UBND Thành phố về triển khai thực hiện “Xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGD/SKSS trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020”.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và kỹ năng quản lý đối tượng cho cán bộ dân số các cấp. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ CSSKSS/KHHGD, đảm bảo an toàn sử dụng phương tiện tránh thai.

- Tăng cường tuyên truyền, vận động lồng ghép cung cấp dịch vụ KHHGD và dân số ở địa bàn có mức sinh và sinh con thứ 3 còn cao; tập trung thực hiện Chiến dịch tăng cường tuyên truyền, vận động lồng ghép; đồng thời cung cấp các dịch vụ nâng cao chất lượng dân số ở cơ sở. Phát triển mạng lưới cung cấp các dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh, tư vấn kiểm tra sức khỏe trước hôn nhân. Tăng cường kết nối, hợp tác với các cơ sở cung cấp dịch vụ trong và ngoài công lập. Đổi mới phương thức cung cấp, đưa dịch vụ tới

người sử dụng.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý chương trình dân số các cấp đặc biệt là Ban Chỉ đạo công tác Dân số các quận, huyện, thị xã và xã, phường, thị trấn. Tổ chức giao ban Ban Chỉ đạo công tác dân số định kỳ; giao ban Ban quản lý chương trình. Đánh giá kết quả hoạt động công tác dân số định kỳ 6 tháng và cả năm.

b. Tầm soát các dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng. Cung cấp kiến thức và đào tạo kỹ năng cho đội ngũ báo cáo viên và cán bộ chuyên môn thực hiện chương trình và mô hình.

- Triển khai, duy trì các hoạt động can thiệp, mô hình, đề án nâng cao chất lượng dân số tại 30 quận, huyện, thị xã: Mô hình chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng; Mô hình tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân; Mô hình chăm sóc SKSS vị thành niên; Mô hình can thiệp truyền thông CSSKSS/KHHGD tới vùng dân cư đặc thù (khu Làng nghề truyền thống, khu Công nghiệp, vùng Công giáo, vùng Dân tộc ít người, vùng Dân di cư tự do); Giảm thiểu tình trạng trẻ em béo phì; Các mô hình khác theo hướng dẫn của Tổng cục Dân số.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2025, năm 2019 tiếp tục khống chế tỷ số giới tính khi sinh ở mức 113/100. Tăng cường và nâng cao hiệu quả các hoạt động truyền thông vận động về giới và mất cân bằng giới tính khi sinh; Truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên các báo, đài của Thành phố; Khuyến khích hỗ trợ phát huy vai trò, vị thế của trẻ em gái nói chung đặc biệt là trẻ em gái trong các gia đình sinh con một bề, nhằm thúc đẩy bình đẳng giới.

- Tiếp tục thực hiện Đề án sàng lọc trước sinh và sơ sinh trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016-2020, đảm bảo tiến độ, chỉ tiêu: Sàng lọc trước sinh đạt 78% số bà mẹ mang thai, sàng lọc sơ sinh đạt 85% số trẻ sinh ra. Sàng lọc khiếm thính: Duy trì khám sàng lọc phát hiện can thiệp sớm khiếm thính cho trẻ 0-60 tháng tuổi ở 30 quận, huyện, thị xã. Tập huấn bồi dưỡng kỹ năng tuyên truyền, kiến thức cho tuyên truyền viên cấp xã, phường tại 30 quận, huyện, thị xã về sàng lọc phát hiện và can thiệp sớm trẻ khiếm thính. Sàng lọc bệnh tan máu bẩm sinh (Thalassemia): Duy trì hoạt động khám xét nghiệm sàng lọc bệnh tan máu bẩm sinh cho đối tượng vị thành niên tại các xã miền núi, các xã xa trung tâm Thành phố, tăng cường tư vấn cho Thanh niên tiền hôn nhân về nguyên nhân, hệ lụy của bệnh tan máu bẩm sinh, vận động Thanh niên tham gia khám sức khỏe tiền hôn nhân. Sàng lọc bệnh tim bẩm sinh: Duy trì hoạt động khám, xét nghiệm sàng lọc tim bẩm sinh tại 16 bệnh viện tuyến huyện. Mở rộng khám sàng lọc bệnh tim bẩm sinh cho trẻ sơ sinh tại một số bệnh viện tuyến huyện.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 19/04/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc triển khai thực hiện “Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi giai đoạn 2017-2025” trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025 nhằm đảm bảo tiến độ. Thực hiện Kế hoạch phát triển thể lực,

tâm vóc người Hà Nội đến năm 2030: Tuyên truyền, giáo dục, và vận động thay đổi hành vi về phát triển thể lực và tâm vóc người Hà Nội; Tăng cường chăm sóc dinh dưỡng, kết hợp với các chương trình chăm sóc sức khỏe, nâng cao chất lượng dân số Thủ đô.

- Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGD cho vị thành niên/thanh niên thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020; Triển khai các hoạt động Truyền thông, giáo dục chuyển đổi hành vi nhằm nâng cao kiến thức, thái độ và kỹ năng thực hành của vị thành niên/thanh niên về KHHGD phấn đấu 70% vị thành niên/thanh niên hiểu biết cơ bản về một số vấn đề Dân số - KHHGD như các biện pháp tránh thai, tác hại của tảo hôn, hôn nhân cận huyết, tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân.

c. Nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá

- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân số quận, huyện, thị xã và xã, phường, thị trấn phù hợp với công tác dân số trong tình hình hiện nay. Tập huấn, bổ sung kiến thức, nâng cao kỹ năng cho các báo cáo viên của quận, huyện, thị xã và báo cáo viên cấp Thành phố. Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ của Chi cục Dân số, cán bộ dân số quận, huyện, thị xã và xã, phường, thị trấn:

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý chuyên ngành gắn dân số với phát triển và phục vụ kinh tế - xã hội ngay từ cấp xã, phường, thị trấn đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ở các cấp.

- Đẩy mạnh và đổi mới phương thức truyền thông thường xuyên và các đợt cao điểm. Phát động và thực hiện truyền thông cao điểm trong chiến dịch tại các xã trọng điểm và các quận, huyện, thị xã có tỷ lệ tăng sinh và sinh con thứ 3 trở lên. Đẩy mạnh truyền thông nâng cao chất lượng dân số, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh ở các địa bàn có tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh cao. Tập trung tuyên truyền chính sách dân số đối với cán bộ lãnh đạo và cán bộ các ban, ngành, đoàn thể Thành phố và các quận, huyện, thị xã và ở cơ sở. Tổ chức các hoạt động sinh hoạt Câu lạc bộ, nói chuyện chuyên đề, thực hiện tư vấn cho các nhóm đối tượng đặc thù.

5. Công tác đánh giá, nghiên cứu khoa học

Tổ chức thực hiện các khảo sát, đánh giá, đề tài nghiên cứu khoa học liên quan nhằm xây dựng, quản lý, điều hành, triển khai hoạt động các mục tiêu của công tác dân số về ổn định quy mô dân số, nâng cao chất lượng dân số và ổn định cơ cấu dân số.

6. Công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra

- Ban Chỉ đạo công tác Dân số Thành phố tập trung giám sát triển khai nhiệm vụ trọng tâm của các quận, huyện, thị xã trong Quý I/2019; Kiểm tra, giám sát thực hiện Kế hoạch của Thành ủy và UBND Thành phố về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 về công tác dân số trong tình hình mới. Ban Chỉ đạo Dân số các quận, huyện, thị xã kiểm tra, giám sát các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện công tác Dân số - KHHGD. Giám sát các hoạt động truyền thông cao điểm, trọng điểm: Ngày Dân số Thế giới 11/7, Ngày Dân số Việt Nam

26/12 và tháng hành động quốc gia về Dân số - KHHGD.

- Kiểm tra, thanh tra và giám sát việc xử lý các trường hợp vi phạm chính sách dân số theo quy định. Ban Chỉ đạo các quận, huyện, thị xã kiểm tra, thanh tra các cơ sở y tế tư nhân về dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, không lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức; kiểm tra các nhà sách về cung cấp các ấn phẩm có nội dung về lựa chọn giới tính thai nhi.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế (Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Thành phố)

- Thường trực triển khai Kế hoạch của Thành phố, tổng hợp, đánh giá các hoạt động Dân số - KHHGD đảm bảo thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách của Trung ương và Thành phố giao.

- Định kỳ tổ chức kiểm tra, giám sát các quận, huyện, thị xã thực hiện chỉ tiêu kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm theo chỉ đạo của Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố về công tác Dân số - KHHGD.

2. Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Thành phố

- Xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2019 và phối hợp với Sở Y tế triển khai thực hiện chủ trương chính sách của Đảng, quy định của Nhà nước, Bộ Y tế, Tổng cục Dân số - KHHGD và Thành phố về công tác Dân số - KHHGD.

- Đảm bảo các quy định về nguồn lực phục vụ công tác dân số trên địa bàn thành phố như: Định mức kinh phí, nhân lực, biên chế và công tác tuyển dụng cán bộ ở các cấp theo quy định.

3. UBND các quận, huyện, thị xã

a. Giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2019

UBND các quận, huyện, thị xã hoàn thành công tác giao chỉ tiêu kế hoạch, các chỉ tiêu giảm sinh, giảm sinh con thứ 3 trở lên, chỉ tiêu sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh, chỉ tiêu sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại, chỉ tiêu người cao tuổi tăng thêm được khám sức khỏe định kỳ năm 2019 cho các xã, phường, thị trấn. Đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch bằng hoặc cao hơn chỉ tiêu Thành phố giao cho các quận, huyện, thị xã; kinh phí chi thù lao cho cộng tác viên dân số; kinh phí thực hiện các Đề án, Kế hoạch và hoạt động theo Kế hoạch của Thành phố.

b. Lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành hoạt động

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 74-KH/TU ngày 27/01/2018 của Thành ủy và Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 20/4/2018 của UBND Thành phố về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND Thành phố; Kế hoạch số 172/KH-UBND ngày 13/7/2017 của UBND Thành phố; Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác Dân số - KHHGD đối với các xã, phường, thị trấn; triển khai các văn bản của Quận, Huyện, Thị ủy đến Chi bộ đảng cơ sở, thôn, làng và tổ dân phố.

- Xây dựng Kế hoạch triển khai công tác dân số năm 2019 theo hướng dẫn

của Thành phố. Tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo dân số cấp huyện, chỉ đạo công tác phối hợp với Sở Y tế, phối hợp liên ngành trong thực hiện các hoạt động công tác dân số tại địa phương. Ban Chỉ đạo công tác Dân số quận, huyện, thị xã chỉ đạo việc duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban dân số xã, phường, thị trấn; phối hợp quản lý và đảm bảo chức năng nhiệm vụ của đội ngũ viên chức dân số xã, phường, thị trấn; đội ngũ cộng tác viên dân số ở thôn, làng, tổ dân phố theo quy định hiện hành của Thành phố.

Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu các Sở, ban, ngành Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ tổng hợp báo cáo UBND Thành phố (gửi Sở Y tế tổng hợp)/.

Nơi nhận:

- Đồng chí Bí thư Thành ủy;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Phó Chủ tịch Ngô Văn Quý;
- Tổng cục DS-KHHGĐ;
- Ban Tuyên giáo Thành ủy;
- Ban VHXH HĐND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- VPUB: CVP, PCVP Đ. H. Giang;
Phòng: KGVX, KT, TKBT, TH;
- Chi cục DS-KHHGĐ;
- Lưu: VT, KGVX. ✓

(130)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH *nh*



Ngô Văn Quý

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH VỀ DÂN SỐ NĂM 2019

(Kèm theo Kế hoạch số 235 /KH-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018
của UBND Thành phố Hà Nội

TT	Tên đơn vị	Giảm tỷ suất sinh (‰)	Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 (%)
Toàn TP		0,10	0,10
1	Ba Đình	0,02	0,01
2	Hoàn Kiếm	0,01	0,01
3	Hai Bà Trưng	0,01	0,01
4	Đống Đa	0,02	0,01
5	Thanh Xuân	0,01	0,01
6	Tây Hồ	0,02	0,01
7	Cầu Giấy	0,02	0,01
8	Hoàng Mai	0,02	0,01
9	Long Biên	0,03	0,02
10	Nam Từ Liêm	0,05	0,02
11	Bắc Từ Liêm	0,02	0,01
12	Sóc Sơn	0,10	0,15
13	Đông Anh	0,05	0,10
14	Gia Lâm	0,10	0,03
15	Thanh Trì	0,10	0,10
16	Hà Đông	0,03	0,03
17	Sơn Tây	0,02	0,10
18	Ba Vì	0,05	0,10
19	Phúc Thọ	0,15	0,20
20	Đan Phượng	0,10	0,10
21	Thạch Thất	0,20	0,20
22	Hoài Đức	0,10	0,20
23	Quốc Oai	0,15	0,15
24	Chương Mỹ	0,20	0,20
25	Thanh Oai	0,15	0,10
26	Thường Tín	0,13	0,15
27	Ứng Hoà	0,20	0,20
28	Phú Xuyên	0,20	0,20
29	Mỹ Đức	0,20	0,20
30	Mê Linh	0,15	0,20

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH THỰC HIỆN SÀNG LỌC, CHẨN ĐOÁN TRƯỚC SINH VÀ SƠ SINH NĂM 2019

(Kèm theo Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018
của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Đơn vị	Tỷ lệ thai phụ được tuyên truyền tư vấn (%)	Tỷ lệ thai phụ được sàng lọc trước sinh (%)	Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh (SLSS) (%)	Số ca sàng lọc tim bẩm sinh (ca)	Số ca sàng lọc khiếm thính 0-60 tháng tuổi (ca)	Sàng lọc Thalassemia (ca)
	Toàn TP	99	78	85	11.000	165.000	5.000
1	Ba Đình	99	82	87		5.000	
2	Hoàn Kiếm	99	81	87		4.000	
3	Hai Bà Trưng	99	84	89		5.000	
4	Đống Đa	99	82	89		6.000	
5	Thanh Xuân	99	81	87		6.000	
6	Tây Hồ	99	86	87		2.500	
7	Cầu Giấy	99	81	87		4.500	
8	Hoàng Mai	99	78	87		6.500	
9	Long Biên	99	82	89		7.000	
10	Nam Từ Liêm	99	82	87		5.000	
11	Bắc Từ Liêm	99	80	87		5.000	
12	Hà Đông	99	80	87		6.000	
13	Sóc Sơn	99	76	83	1.000	8.000	
14	Đông Anh	99	75	83	1.000	8.000	
15	Gia Lâm	99	75	83	300	6.000	
16	Thanh Trì	99	75	85	300	6.000	
17	Sơn Tây	99	78	86	300	3.000	
18	Ba Vì	99	75	86	1.000	7.000	1.000
19	Phúc Thọ	99	78	83	800	5.000	
20	Đan Phượng	99	75	85	700	4.500	
21	Thạch Thất	99	73	85	800	6.000	1.000
22	Hoài Đức	99	73	83	500	6.000	
23	Quốc Oai	99	82	83	800	5.000	1.000
24	Chương Mỹ	99	80	83	700	7.500	1.000
25	Thanh Oai	99	75	80	400	3.000	
26	Thường Tín	99	78	80	400	6.500	
27	Ứng Hoà	99	75	88	800	4.000	
28	Phú Xuyên	99	70	80	400	5.000	
29	Mỹ Đức	99	75	80	500	6.000	1.000
30	Mê Linh	99	74	84	300	6.000	

KẾ HOẠCH CHỈ TIÊU CÁC BIỆN PHÁP TRÁNH THAI NĂM 2019

(Kèm theo Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Đơn vị	Triệt sản	Dụng cụ tử cung			Thuốc cấy tránh thai			Thuốc tiêm tránh thai			Viên uống tránh thai					Bao cao su				
			Tổng số	TĐ: Miễn phí	TĐ: Tiếp thị xã hội	Tổng số	TĐ: Miễn phí	TĐ: Tiếp thị xã hội	Tổng số	TĐ: Miễn phí	Nguồn khác	Tổng số	TĐ: Miễn phí	TĐ: Tiếp thị xã hội	TĐ: Xã hội hóa	Nguồn khác	Tổng số	TĐ: Miễn phí	TĐ: Tiếp thị xã hội	TĐ: Xã hội hóa	Nguồn khác
	Tổng	300	42.000	1.260	40.940	230	10	220	1.050	40	1.010	83.410	2.502	5.004	5.004	70.900	233.300	3.930	22.330	89.320	117.720
1	Ba Đình	7	800	0	800	4	0	4	0	0	0	2.100	0	210	210	1.680	14.000	0	1.620	6.075	6.305
2	Hoàn Kiếm	7	700	0	700	6	0	6	0	0	0	1.700	0	170	170	1.360	12.000	0	1.380	5.175	5.445
3	Hai Bà Trưng	9	1.300	0	1.500	4	0	4	0	0	0	3.500	0	350	350	2.800	17.500	0	2.040	7.650	7.810
4	Đống Đa	4	1.350	0	1.350	9	0	9	0	0	0	3.000	0	300	300	2.400	18.000	0	2.100	7.875	8.025
5	Thanh Xuân	6	700	0	700	10	0	10	0	0	0	3.000	0	300	300	2.400	12.500	0	1.440	5.400	5.660
6	Tây Hồ	7	750	0	750	3	0	3	0	0	0	1.700	0	170	170	1.360	5.300	0	576	2.160	2.564
7	Cầu Giấy	5	650	0	650	2	0	2	0	0	0	3.200	0	320	320	2.560	14.200	0	1.644	6.165	6.391
8	Hoàng Mai	10	1.150	0	1.150	6	0	6	0	0	0	3.700	0	370	370	2.960	16.200	0	1.884	7.065	7.251
9	Long Biên	12	1.250	0	1.250	8	0	8	0	0	0	4.600	0	460	460	3.680	16.000	0	1.860	6.975	7.165
10	Bắc Từ Liêm	10	900	0	900	14	0	14	0	0	0	3.300	0	256	256	2.788	12.000	0	1.380	5.175	5.445
11	Nam Từ Liêm	3	550	0	550	4	0	4	0	0	0	1.200	0	109	109	982	8.600	0	972	3.645	3.983
12	Sóc Sơn	14	2.250	66	2.184	12	0	12	90	3	87	5.600	168	280	280	4.872	7.250	0	560	2.450	4.240
13	Đông Anh	15	2.350	66	2.284	8	0	8	45	0	45	5.200	156	260	260	4.524	8.000	0	663	2.695	4.642
14	Gia Lâm	17	1.500	45	1.455	10	0	10	50	0	50	3.100	93	155	155	2.697	7.450	0	648	2.520	4.282
15	Thanh Trì	11	1.000	30	970	8	0	8	25	0	25	2.900	87	145	145	2.523	8.300	0	720	2.800	4.780
16	Hà Đông	7	1.350	0	1.350	9	0	9	0	0	0	2.300	0	115	115	2.070	4.600	0	344	1.505	2.751
17	Sơn Tây	7	1.350	40	1.310	3	0	3	50	0	50	1.600	48	80	80	1.392	3.100	0	224	980	1.896
18	Ba Vì	15	2.950	202	2.748	10	2	8	100	5	95	2.500	182	78	78	2.162	4.200	600	195	975	2.430
19	Phúc Thọ	12	1.950	98	1.852	4	0	4	50	2	48	1.700	102	51	51	1.496	2.700	100	120	720	1.760
20	Đan Phượng	6	1.100	33	1.067	6	0	6	50	2	48	2.000	120	60	60	1.760	3.200	100	150	900	2.050
21	Thạch Thất	10	1.700	85	1.615	3	1	2	70	4	66	3.100	201	93	93	2.713	4.200	600	200	1.000	2.400
22	Hoài Đức	10	1.500	45	1.455	10	0	10	50	2	48	2.100	126	63	63	1.848	5.400	100	260	1.560	3.480
23	Quốc Oai	16	1.700	80	1.620	11	1	10	90	4	86	3.100	186	93	93	2.728	4.300	400	205	1.180	2.515
24	Chương Mỹ	17	2.400	120	2.280	15	1	14	105	5	100	3.500	210	105	105	3.080	4.700	300	225	1.300	2.875
25	Thanh Oai	13	1.250	37	1.213	5	0	5	50	2	48	1.800	108	54	54	1.584	2.900	200	135	810	1.755
26	Thường Tín	19	2.250	68	2.182	10	0	10	50	2	48	3.000	180	90	90	2.640	3.900	230	185	1.110	2.375
27	Ứng Hoà	6	1.000	50	950	5	1	4	65	3	62	3.110	187	93	93	2.737	4.500	200	215	1.290	2.795
28	Phù Xuyên	7	1.800	90	1.710	6	1	5	25	2	23	1.000	60	30	30	880	1.500	200	65	390	845
29	Mỹ Đức	5	1.250	75	1.175	13	2	11	70	4	66	1.700	102	51	51	1.496	3.100	600	145	725	1.630
30	Mê Linh	13	1.250	30	1.220	12	1	11	15	0	15	3.100	186	93	93	2.728	3.700	300	175	1.050	2.175